

Bản án số: 45/2017/DS-ST
Ngày: 13/7/2017
V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên.**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2017/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Ngọc L1**; sinh năm: 1975. (có mặt)

Địa chỉ: C3/64A ấp 3 xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:**

2.1 Ông **Lê Văn N**; sinh năm: 1962.

2.2 Bà **Nguyễn Thị L2**; sinh năm: 1965.

Cùng địa chỉ: C5/144 ấp 3 xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Lê Văn N** và bà **Nguyễn Thị L2**: Bà **Lê Thị Mỹ L3**; sinh năm: 1991; Địa chỉ: C5/144 ấp 3 xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 10/7/2017)

2.3 Bà **Lê Thị Mỹ L3**; sinh năm: 1991. (có mặt)

Địa chỉ: C5/144 ấp 3 xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L1 trình bày: Ngày 03/3/2016 bà **Nguyễn Ngọc L1** có cho bà **Nguyễn Thị L2** (bà **L2** là vợ ông **Lê Văn N**) vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 2 tháng (hạn trả nợ là ngày 03/5/2016). Ngày 02/7/2016 bà **Nguyễn Ngọc L1** có cho bà **Lê Thị Mỹ L3** và ông **Lê Văn N** (bà **L3** là con của ông **Lê Văn N** và bà **Nguyễn Thị L2**) vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 2 tháng (hạn trả nợ là ngày 02/9/2016). Tổng cộng số tiền bà **Lê Thị Mỹ L3**, bà **Nguyễn Thị L2** và ông **Lê Văn N** đã vay của bà **Nguyễn Ngọc L1** là 110.000.000 đồng. Đến thời điểm này đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà **L3**, bà **L2** và ông **N** không trả nợ cho bà **L1**. Bà **L1** đã nhiều lần liên với hệ bà **L2**, bà **L3**, ông **N** để yêu cầu trả nợ nhưng bà **L3**, bà **L2** và ông **N** hết lần này đến lần khác mà vẫn không trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Ngọc L1 yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 trả số tiền vay là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà L1 xác nhận đây là tài sản riêng của bà L1, không phải là tài sản chung của vợ chồng bà L1. Bà L1 chỉ khởi kiện yêu cầu bà L3, bà L2 và ông N trả tiền cho bà L1 mà không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả tiền. Ngoài ra bà L1 không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L3 trình bày: Năm 2016 gia đình bà Lê Thị Mỹ L3 có ký giấy mượn tiền của bà Nguyễn Ngọc L1 với số tiền 90.000.000 đồng và có nhờ bà Lê Thị Phương M đứng tên mượn dùm thêm 20.000.000 đồng và đóng tiền lãi. Số tiền 20.000.000 đồng bà L3 đã đưa cho bà M trả cho bà L1. Bà L3 xác nhận hiện nay chỉ còn nợ của bà L1 số tiền 90.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà L3 không có khả năng trả nợ cho bà L1, bà L3 yêu cầu trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn N và Nguyễn Thị L2 có bà Lê Thị Mỹ L3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào năm 2016 ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 có ký giấy mượn tiền của bà Nguyễn Ngọc L1 với tổng số tiền là 90.000.000 đồng và có nhờ bà Lê Thị Phương M đứng tên mượn dùm thêm 20.000.000 đồng và đóng tiền lãi. Số tiền 20.000.000 đồng bà L3 đã đưa cho bà M trả cho bà L1. Hiện nay gia đình bà L3 chỉ còn nợ của bà L1 số tiền 90.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà L3 không có khả năng trả nợ cho bà L1, bà L3 yêu cầu trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Ngọc L1 khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 trả lại số tiền vay là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 cư trú tại huyện Bình Chánh, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định ông Lê Văn N là bị đơn; bà Nguyễn Thị L2, bà Lê Thị Mỹ L3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử xác định ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị L2 và bà Lê Thị Mỹ L3 là bị đơn trong vụ án.

[3] Tại bản tự khai ghi ngày 15/02/2017 thì ông Nguyễn Vũ H là chồng của bà Nguyễn Ngọc L1 xác nhận số tiền mà bà L1 cho ông N, bà L2 và bà L3 vay là tài sản riêng của bà L1 không phải là tài sản chung của bà L1, ông H. Do đó Hội đồng xét xử không đưa ông Nguyễn Vũ H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất những nội dung ghi trong “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 03/3/2016 và cũng thống nhất những nội dung ghi trong “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 02/7/2016.

[5] Căn cứ vào “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 03/3/2016 thì có cơ sở xác định vào ngày 03/3/2016 bà L1 có cho bà L2 vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng và không thỏa thuận về lãi suất, việc vay tiền có sự bảo lãnh của ông Lê Văn N là chồng bà L2.

[6] Căn cứ vào “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 02/7/2016 thì có cơ sở xác định vào ngày 02/7/2016 bà L1 có cho ông N và bà L3 vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng và không thỏa thuận về lãi suất.

[7] Như vậy hợp đồng vay giữa các bên được xác định là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất. Do là hợp đồng vay có kỳ hạn, nên theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, bà L1 có quyền yêu cầu ông N, bà L2 và bà L3 trả nợ khi đã quá hạn trả nợ mà hai bên thỏa thuận.

[8] Tại phiên tòa, bị đơn Lê Thị Mỹ L3, bà Lê Thị Mỹ L3 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị L2 xác nhận có mượn tiền của bà Nguyễn Ngọc L1 với số tiền 90.000.000 đồng và có nhờ bà Lê Thị Phương M đứng tên mượn dùm thêm 20.000.000 đồng và đóng tiền lãi. Đối với số tiền 20.000.000 đồng thì bà L3 đã đưa cho bà M trả cho bà L1, do đó hiện nay ông N, bà L2 và bà L3 chỉ còn nợ của bà L1 số tiền 90.000.000 đồng. Tuy nhiên theo nội dung “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 03/3/2016 và theo nội dung “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 02/7/2016 thì thể hiện vào ngày 03/3/2016 bà L1 có cho bà L2 vay 40.000.000 đồng và ngày 02/7/2016 bà L1 có cho ông N và bà L3 vay 70.000.000 đồng, tổng cộng của hai lần vay là 110.000.000 đồng. Mặt khác bà L3 cũng đã xác nhận là có nhờ bà Lê Thị Phương M đứng tên mượn dùm 20.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng này thì bà L3 đã đưa cho bà M trả cho bà L1. Như vậy số tiền 20.000.000 đồng mà bà Lê Thị Mỹ L3 nhờ bà Lê Thị Phương M đứng tên mượn của bà Nguyễn Ngọc L1 không có liên quan gì đến số tiền mà các bên đương sự đã thỏa thuận cho vay theo “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 03/3/2016 và “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 02/7/2016. Do đó việc ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 cho rằng hiện nay chỉ còn nợ của bà L1 số tiền 90.000.000 đồng là không có căn cứ.

[9] Bị đơn ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi tháng trả 3.000.000 đồng là nhằm mục đích kéo dài thời hạn trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Ngọc L1 nên yêu cầu này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Căn cứ vào “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 03/3/2016 và căn cứ vào “Giấy cho mượn tiền” ghi ngày 02/7/2016; căn cứ vào những nhận tại [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L1, buộc ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc L1 số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[12] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc L1 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm là: 110.000.000 đồng x 5% = 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 3 Điều 68, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L1 đối với ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2.

Buộc ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc L1 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Lê Văn N, bà Lê Thị Mỹ L3 và bà Nguyễn Thị L2 phải chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Bà Nguyễn Ngọc L1 được nhận lại số tiền 2.750.00 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) mà bà L1 đã đóng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0021562 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng